TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 01– 3 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Bà Trần Thị Bé Ba

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Thông báo về thời gian mở phiên toà số 16/TB-TA ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn Ú (Út C), sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn H (Võ Văn Ú1), sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện nay: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn Ú trình bày:

Vào ngày 24/01/2021 ông Dương Văn Ú có cho vợ chồng ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V vay số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất hai bên thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay 01 năm, khi vay hai bên có lập hợp đồng cho vay tiền. Từ khi vay vợ chồng ông H, bà V có trả cho ông Ú được 06 tháng tiền lãi với số tiền 105.000.000 đồng thì không trả nữa. Sau đó, vợ chồng ông H, bà V có trả số tiền vốn cho ông Ú được 02 lần, 01 lần 50.000.000 đồng và 01 lần 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn 200.000.000 đồng. Ông Ú nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà V trả số tiền còn nợ 200.000.000 đồng nhưng ông H, bà V hứa hẹn mà không thực hiện.

Tại phiên toà, ông Dương Văn Ú yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) trong thời gian sớm nhất, yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Từ năm 2019 bà V có hỏi vay của ông Dương Văn Ú nhiều lần đến năm 2020 tổng số tiền là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng),* lãi suất bà V trả cho ông Ú 500.000 đồng/100.000.000 đồng/01 ngày. Bà V đã trả lãi cho ông Ú được một thời gian nhưng bà không nhớ cụ thể. Ngày 24/01/2021 bà V có trả cho ông Ú được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 350.000.000 đồng nên ông Ú yêu cầu vợ chồng bà lập biên nhận nợ 350.000.000 đồng. Từ ngày 24/01/2021 bà V tiếp tục trả lãi suất cho ông Ú mỗi tháng 17.500.000 đồng trả cho đến ngày 15/02/2023 âm lịch thì bà không trả lãi suất cho ông Ú nữa. Trong tháng 01/2023 bà có trả cho ông Ú được số tiền vốn 50.000.000 đồng, tháng 5/2023 bà tiếp tục trả thêm 100.000.000 đồng cho ông Ú. Tính đến nay bà V còn nợ của ông Ú số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng).* Nay bà V đồng ý trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng cho ông Ú nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Võ Văn H thống nhất lời trình bày của bà V, tính đến nay ông còn nợ của ông Ú số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng).* Nay ông đồng ý trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng cho ông Ú nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" căn cứ Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Theo nguyên đơn ông Dương Văn Ú cho rằng vào ngày 24/01/2021 ông Ú có cho vợ chồng ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V vay số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất hai bên thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay 01 năm, khi vay hai bên có lập hợp đồng cho vay tiền. Từ khi vay vợ chồng ông H, bà V có trả lãi cho ông Ú được 06 tháng được số tiền 105.000.000 đồng thì không trả lãi nữa. Sau đó, vợ chồng ông H, bà V có trả số tiền vốn cho ông Ú được 02 lần, 01 lần 50.000.000 đồng và 01 lần 100.000.000 đồng. Tính đến nay ông H, bà V còn ông Ú số tiền vốn là 200.000.000 đồng nên ông Dương Văn Ú khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) trong thời gian sớm nhất.

Bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V thừa nhận còn nợ của ông Ú số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng).* Nay ông, bà cũng đồng ý trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng cho ông Ú nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Dương Văn Ú và bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V cùng thống nhất số tiền mà ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V còn nợ ông Dương Văn Ú là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Do hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện. Tài sản nguyên đơn ông Dương Văn Ú cho bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V vay là tiền, tổng số tiền theo biên nhận nợ ngày 24/01/2021 là 350.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 24/01/2022. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V đã trả cho nguyên đơn ông Dương Văn Ú số tiền lãi suất 150.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại số tiền 200.000.000 đồng thì chưa trả cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn ông Ú đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ nhưng bị đơn hứa hẹn mà không thực hiện.

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."*. Do đó, bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V đã vay tiền của

nguyên đơn ông Dương Văn Ú nhưng đến nay chưa trả cho nguyên đơn nên từ đó, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn ông Dương Văn Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn Ú đối với bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V.

2. Buộc bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Dương Văn Ú số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị V phải chịu 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Lil